

Số: /QĐ-CDYT

Quảng Bình, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-LĐTBXH, ngày 06/04/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 437/QĐ-CDYT, ngày 28/07/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Điều 1, Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp, tại Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình (có nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp, bao gồm: 15 tín chỉ, với 09 mô đun.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, giảng viên và học sinh của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, Lãnh đạo, ĐT-HTQT, KĐ-CTSV.

Q. HIỆU TRƯỞNG

Lê Viết Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình)

Tên nghề đào tạo:	Chăm sóc người cao tuổi
Trình độ đào tạo:	Sơ cấp
Bậc:	2
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Người tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên, có đủ sức khỏe học tập và làm việc.
Thời gian đào tạo:	04 tháng (17 tuần).

I. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người chăm sóc có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi; có ý thức, tác phong và thái độ làm việc phù hợp đảm bảo công tác chăm sóc người cao tuổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được nội dung cơ bản về tâm lý, sinh lý, cách chăm sóc người cao tuổi trong trạng thái bình thường và trong một số bệnh lý thường gặp;
- Liệt kê được những nhu cầu cơ bản của con người và nội dung hỗ trợ chăm sóc cho người cao tuổi;
- Trình bày được dấu hiệu nhận biết và cách xử trí một số tình trạng cấp cứu về sức khỏe của người cao tuổi;
- Liệt kê được một số kỹ thuật hỗ trợ chăm sóc cơ bản về sinh lý, nhu cầu sử dụng thuốc, theo dõi sức khỏe, phục hồi chức năng và dưỡng sinh cho người cao tuổi;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, giao tiếp và phương pháp hỗ trợ đối phó một số tình trạng tâm lý cho người cao tuổi;
- Trình bày được những điều kiện đảm bảo môi trường sống an toàn cho người cao tuổi.

1.2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ thuật hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cơ bản cho người cao tuổi;

- Tiên hành sơ cấp cứu cho người cao tuổi trong một số trường hợp đúng kỹ thuật;
- Hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi mắc một số bệnh thường gặp, phục hồi chức năng và dưỡng sinh đúng phương pháp;
- Xây dựng được chế độ ăn phù hợp cho người cao tuổi;
- Giao tiếp, tạo dựng mối quan hệ tốt, tư vấn và hỗ trợ kịp thời người cao tuổi trong một số tình trạng tâm lý tiêu cực;
- Thực hiện được việc xây dựng mô hình ngôi nhà an toàn, các biện pháp cơ bản phòng tránh tai nạn thường gặp ở người cao tuổi;
- Phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm, với các ban ngành, đoàn thể trong công tác chăm sóc người cao tuổi.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Bảo đảm an toàn cho người cao tuổi và người chăm sóc;
- Chủ động thiết lập và đảm bảo tính liên tục của công việc, chịu trách nhiệm với công việc;
- Yêu nghề, tận tụy với công việc;
- Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học xong chương trình này, người học có năng lực đáp ứng yêu cầu tại các vị trí việc làm của công việc chăm sóc người cao tuổi, bao gồm:

- Cơ sở bảo trợ xã hội;
- Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi;
- Cơ sở chăm sóc người cao tuổi khác.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp nghề chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp bậc 2 người học phải đạt được khối lượng kiến thức tối thiểu và các yêu cầu năng lực để có thể tiếp tục phát triển ở những trình độ cao hơn;
- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi nghề để nâng cao trình độ hoặc học lên trình độ cao hơn trong cùng nghề, nhóm nghề hoặc lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

Tổng thời gian toàn khóa: 17 tuần/09 mô đun

- Thời gian học và thi: 15,5 tuần tương đương 420 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 3,3 tuần tương đương 82 giờ chiếm 19,5%
 - + Thời gian học thực hành, thực tập: 10,7 tuần tương đương 320 giờ chiếm 76,2%
- Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc mô đun: 1,5 tuần (18 giờ chiếm 4,3%)
- Tổng thời gian hoạt động chung: 1,5 tuần

3. Danh mục số lượng, thời lượng các mô đun:

Mã MĐ	Tên mô đun	Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 01	Tổng quan về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	35	4	29	2
MĐ 02	Hỗ trợ chăm sóc cơ bản về sinh lý cho người cao tuổi	2	45	14	29	2
MĐ 03	Hỗ trợ chăm sóc về dùng thuốc và theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi	2	45	14	29	2
MĐ 04	Xử trí một số tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cho người cao tuổi	2	45	14	29	2
MĐ 05	Hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi theo tình trạng bệnh	2	45	14	29	2
MĐ 06	Hỗ trợ người cao tuổi phục hồi chức năng và dưỡng sinh	2	45	14	29	2
MĐ 07	Hỗ trợ dinh dưỡng, giao tiếp, tâm lý cho người cao tuổi	1	36	5	29	2
MĐ 08	Cải thiện môi trường sống cho người cao tuổi	1	34	3	29	2
MĐ 09	Thực tập cộng đồng	2	90		88	2
	Cộng:	15	420	82	320	18

4. Quy trình đào tạo:

- Đầu khóa học, nhà trường thông báo cho người học về quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo; nội dung chương trình đào tạo cả khóa học, danh sách mô đun sẽ được giảng dạy; lịch kiểm tra, hình thức kiểm tra, kiểm tra kết thúc; quyền lợi và nghĩa vụ của người học.

- Tổ chức lớp học đảm bảo lớp học kiến thức, kỹ năng nghề tối đa 35 người học; nhóm học thực hành tối đa 18 người học. Mỗi lớp có một giảng viên chủ nhiệm phụ trách lớp.

- Khi bắt đầu khóa học, trước khi học từng mô đun, giảng viên thực hiện kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng nghề của từng người học; tinh thần thái độ học tập của người học (*đánh giá năng lực người học*) để chuẩn bị nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp. Chỉ tổ chức giảng dạy những kiến thức, hướng

dẫn thực hành những kỹ năng nghề theo nội dung, yêu cầu của mô đun mà người học chưa biết, chưa làm được hoặc chưa biết kỹ, đầy đủ, chưa làm được thành thạo.

- Đánh giá kết quả học tập trong đào tạo nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp được thực hiện theo cách thức kết hợp chấm điểm kiểm tra đánh giá quá trình học và kiểm tra kết thúc từng mô đun, tín chỉ. Điểm mô đun, tín chỉ bao gồm điểm kiểm tra đánh giá quá trình học (*bao gồm điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên và điểm kiểm tra đánh giá định kỳ*) và điểm kiểm tra kết thúc mô đun, tín chỉ.

- Kết quả học tập được đánh giá theo số mô đun, tín chỉ được tích lũy. Người học học hết chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nếu tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì được người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp cấp chứng chỉ sơ cấp. Những mô đun, tín chỉ đã tích lũy được công nhận và không phải học lại khi học các chương trình đào tạo khác hoặc được bảo lưu để học liên thông lên trình độ cao hơn.

- Phương pháp đào tạo: Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là: Giảm tải trình bày lý thuyết, tăng thực tế, thực tiễn và phương pháp cầm tay chỉ việc, nâng cao kỹ năng tay nghề, đạo đức y học và thích ứng được ngay các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- + Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của người học;
- + Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- + Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng Internet...

+ Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy - học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực tập cộng đồng theo phương thức năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, tạo điều kiện cho người học học thực hành theo chu trình phản ánh nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành của người học. Trong quá trình người học thực tập tại cơ sở chăm sóc người cao tuổi, giảng viên nhà trường phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn lâm sàng để thực hiện lượng giá, đánh giá, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy chế

5. Phương pháp và thang điểm đánh giá

5.1. Phương pháp đánh giá:

5.1.1. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ:

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của người học theo từng mô đun. Nội dung cụ thể và hình thức kiểm tra thường xuyên do giảng viên tự quyết định.

- Kiểm tra đánh giá định kỳ thực hiện khi hoàn thành trên 70% khối lượng mô đun, được thực hiện bằng làm bài thực hành, thực tập. Nội dung kiểm tra theo quy định trong đề cương chi tiết mô đun của chương trình đào tạo.

- Số bài kiểm tra cho từng mô đun: 01 bài kiểm tra thường xuyên, 01 bài kiểm tra định kỳ.

5.1.2. Kiểm tra kết thúc mô đun:

- Người học được dự kiểm tra kết thúc môđun khi tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của môđun được quy định trong đề cương chi tiết của môđun;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Hình thức kiểm tra: Thực hành một hoặc một số khâu công việc của nghề, được quy định chi tiết trong chương trình môđun. Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môđun là thời gian hoàn thành một kỹ thuật.

5.2. Thang điểm đánh giá:

Kết quả kiểm tra được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10).

6. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp:

6.1. Người học nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Người học phải hoàn thành chương trình và phải tích lũy đủ 09 môđun với 15 tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Có điểm tổng kết khóa học được tính theo quy định từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp.

Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được người đứng đầu cơ sở đào tạo sơ cấp tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

6.2. Xếp loại tốt nghiệp cho người học được căn cứ vào điểm tổng kết khóa học:

- Loại xuất sắc có điểm tổng kết khóa học từ 9,0 đến 10;

- Loại giỏi có điểm tổng kết khóa học từ 8,0 đến dưới 9,0;

- Loại khá có điểm tổng kết khóa học từ 7,0 đến dưới 8,0;

- Loại trung bình khá có điểm tổng kết khóa học từ 6,0 đến dưới 7,0;

- Loại trung bình có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 đến dưới 6,0.

Các mức xếp loại tốt nghiệp xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá của người học sẽ bị giảm đi một mức nếu người học bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học hoặc có một môđun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môđun được tạm hoãn hoặc được miễn trừ).

7. Công nhận tốt nghiệp

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản đề nghị công nhận tốt nghiệp đối với người học của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng xem xét ra quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học và công bố công khai tới người học.

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo nghề Chăm sóc người cao tuổi trình độ sơ cấp gồm 09 môđun với 15 tín chỉ quy định cụ thể về nội dung và khối lượng kiến

thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, tỷ lệ giữa lý thuyết - thực hành, được thực hiện trong 17 tuần. Chương trình được cấu trúc thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố hợp lý về thời gian, phù hợp với quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp và Bộ Lao động Thương binh & Xã hội nhằm đáp ứng mục tiêu và yêu cầu chất lượng đào tạo.

Danh mục các mô đun, tín chỉ và khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm quy định trong chương trình là quy định mức tối thiểu. Các mô đun, tín chỉ chứa đựng nội dung cơ bản bắt buộc người học phải tích lũy. Mỗi tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ chuẩn tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc 30 giờ thực hành, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở thực hành.

8.1. Triển khai các mô đun:

- Lý thuyết: Được triển khai tại giảng đường. Các mô đun có cả phần học lý thuyết, thực hành bắt buộc phải học phần lý thuyết trước, đến phần thực hành.

- Thực hành tại trường (tiền lâm sàng): Tổ chức thực hành tại các phòng thực hành của trường, phòng khám Đa khoa Thực hành của trường, đảm bảo mỗi người học thực hiện tối thiểu 80% giờ học thực hành.

- Thực tập: Mô đun thực tập cộng đồng tổ chức sau khi người học hoàn thành và thi kết thúc đạt yêu cầu 08 mô đun (MĐ01 - MĐ08). Mục tiêu của thực tập cộng đồng là người học có hiểu biết cơ bản về nghề của mình và kỹ năng tay nghề sau khi tốt nghiệp tiếp cận được ngay vị trí việc làm. Người học được thực tập tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dưới sự quản lý, hướng dẫn, đánh giá của giảng viên nhà trường và cán bộ hướng dẫn thực tập tại cơ sở được phân công.

8.2. Thời gian bố trí học tập:

- Học lý thuyết, thực hành chính khóa: Từ 6 giờ 30 đến 18 giờ các ngày (các trường hợp khác bố trí buổi tối nhưng không quá 22 giờ).

- Học thực tập tại cơ sở chăm sóc người cao tuổi: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 buổi sáng và/hoặc 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 buổi chiều các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (Hoặc theo giờ làm việc theo mùa của cơ sở chăm sóc đến thực tập).

Nếu được cơ sở y tế giao trực thì thực hiện theo giờ trực nhưng không quá 22 giờ đêm.

8.3. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thể dục, thể thao: Sau giờ nghỉ các buổi chiều hoặc các ngày nghỉ.

- Văn hóa, văn nghệ: Các ngày nghỉ hoặc buổi tối.

- Đọc sách, tài liệu tham khảo: Giờ hành chính, tất cả các ngày làm việc trong tuần.

- Các hoạt động đoàn thể: Giao lưu, sinh hoạt,...